

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **46/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 22-6-2022
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Phong Hiếu**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Minh Phúc**;

2. Bà **Võ Thị Hồng Y**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tuấn Tín** – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số 69/3D, Khu phố X, Phường Y, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* Anh **Bùi Hữu N**, sinh năm 1974;

Địa chỉ thường trú: Xã R, huyện Đắc R’Lấp, tỉnh Đắc Nông;

Địa chỉ tạm trú: Số 69/3D, Khu phố X, Phường Y, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

(Chị Đ và anh N xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đ: * *Nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị*

Sau một thời gian tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình, anh chị quyết định tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Thời gian đầu, anh chị chung sống hạnh phúc và có với nhau một con chung tên Bùi Nguyễn Huệ T, sinh ngày 08/4/1999. Đến năm 2012 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau về tính cách, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, làm cho đời sống vợ chồng không có hạnh phúc.

Chị đã nhiều lần cố gắng tìm cách hàn gắn tình cảm với anh N để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống và học tập của con nhỏ nhưng anh N vẫn không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ yêu cầu ly hôn với anh Bùi Hữu N.

- Về con chung: Con chung tên Bùi Nguyễn Huệ T hiện đã thành niên nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Nội dung trình bày của bị đơn anh Bùi Hữu N:**

Thống nhất hoàn toàn với lời trình bày của chị Đ về quan hệ hôn nhân, con chung và mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng. Anh chị chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh cũng đã nhiều lần cố gắng tìm cách hàn gắn mâu thuẫn để nối lại tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không thành. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ thì anh có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Hữu N đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Đ.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Nguyễn Huệ T, sinh năm 1999, hiện đã thành niên nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Kết quả phiên họp về chứng cứ và hòa giải như sau:**

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ và anh Bùi Hữu N thống nhất các vấn đề như sau:

- + Anh chị chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn;

- + Chị Đ và anh N thống nhất ly hôn với nhau;

- + Con chung hiện đã thành niên nên không yêu cầu xem xét, giải quyết;

- + Anh chị yêu cầu được tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa:**

- Chị Nguyễn Thị Đ đề nghị xét xử vắng mặt;

- Anh Bùi Hữu N đề nghị xét xử vắng mặt;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày của những người tham gia tố tụng. Tòa án đi tới những nhận định về vụ án như sau.

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Nguyễn Thị Đ yêu cầu ly hôn với anh Bùi Hữu N nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Bùi Hữu N cư trú tại địa bàn thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang thụ lý và giải quyết theo đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ và bị đơn anh Bùi Hữu N: Chị Đ và anh N đều có văn bản trình bày ý kiến gởi cho Tòa án và đề nghị được xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ và anh N theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*** Về nội dung vụ án:**

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ yêu cầu ly hôn với anh Bùi Hữu N.

[3.1] Chị Nguyễn Thị Đ và anh Bùi Hữu N tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng khi đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

[3.2] Chị Đ và anh N xác định mâu thuẫn trong thời kỳ hôn nhân là do không hợp nhau về tính cách và bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, làm cho đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Anh chị đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không thành;

[3.3] Chị Đ có yêu cầu được ly hôn và anh N đồng ý với yêu cầu này;

[3.4] Chị Đ và anh N không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên xác định hôn nhân giữa anh chị là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh N theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Bùi Hữu N xác định trong quá trình chung sống, anh chị có với nhau 01 con chung tên Bùi Nguyễn Huệ T, sinh

năm 1999. Con chung hiện đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung:

[5.1] Chị Nguyễn Thị Đ và anh Bùi Hữu N thống nhất được tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5.2] Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có tranh chấp về tài sản chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[6] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ.

[7] Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 7 Điều 3, Điều 9, 14, 51, 53 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Bùi Hữu N.

2. Về con chung: Con chung Bùi Nguyễn Huệ T, sinh năm 1999 đã thành niên nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng; nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002369 ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, nên chị Đ đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Bùi Hữu N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu: Hồ sơ, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Phong Hiếu